

BẢN CÔNG KHAI MỨC TIÊU THỤ NHIÊN LIỆU CỦA KIỂU LOẠI XE

1. Thông tin chung

- 1.1. Tên cơ sở sản xuất/ nhập khẩu: CÔNG TY TNHH KIN SG
- 1.2. Địa chỉ: Tầng 1, 651 Âu Cơ, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, Thành Phố Hồ Chí Minh
- 1.3. Loại xe phương tiện: Xe mô tô 2 bánh /~~Xe gắn máy 2 bánh~~/loại xe khác⁽⁴⁾:
- 1.4. Nhãn hiệu: HONDA
- 1.5. Tên thương mại: SCOOPY PRESTIGE
- 1.6. Mã kiểu loại (Số loại): F1C02N47L0 A/T
- 1.7. Số giấy chứng nhận⁽²⁾: 21KXM/334044
- 1.8. Số Báo cáo thử nghiệm tiêu thụ nhiên liệu số: 4771/NETC-M/21/C, Ngày 21/5/2021

2. Thông số kỹ thuật của Xe

- 2.1. Khối lượng bản thân: 94 (kg)
- 2.2. Khối lượng toàn bộ lớn nhất: 226 (kg)
- 2.3. Động cơ
 - 2.3.1. Kiểu động cơ: JM02E Loại động cơ: 4 kỳ, 1 xi lanh, làm mát bằng không khí.
 - 2.3.2. Thể tích làm việc (Dung tích xy lanh): 109,51 cm³.
 - 2.3.3. Công suất lớn nhất/số vòng quay: 6,6/7.500 kW/rpm
- 2.4. Hệ thống cung cấp nhiên liệu: ~~Chế hòa khí~~/ phun nhiên liệu/~~khác~~⁽¹⁾
- 2.5. Hộp số
 - 2.5.1. Điều khiển: ~~Cơ khí~~/Tự động⁽¹⁾
 - 2.5.2. Số lượng tỷ số truyền:
 - 2.5.3. Tỷ số truyền từng cấp số:
- 2.6. Tỷ số truyền cuối cùng: 10,625
- 2.7. Lốp
 - 2.7.1. Ký hiệu cỡ lốp trực 1: 100/90-12 áp suất lốp: 250 kPa
 - 2.7.2. Ký hiệu cỡ lốp trực 2: 110/90-12 áp suất lốp: 250 kPa

2.8. Vận tốc thiết kế lớn nhất do cơ sở sản xuất quy định: / km/h

3. Công khai mức tiêu thụ nhiên liệu

3.1. Chu trình thử: TCVN 7357:2010/~~TCVN 7358:2010/TCVN 9726:2013.~~⁽¹⁾

3.2. Mức tiêu thụ nhiên liệu công khai: 1,725 l/100 km

4. Mẫu nhãn năng lượng công khai



5. Ghi chú (nếu có):

HCM, ngày 30 tháng 06 năm 2021
Công ty TNHH Kin SG



Ghi chú:

⁽¹⁾ Gạch ngang phần không áp dụng.

⁽²⁾ Đối với xe sản xuất, lắp ráp: số giấy chứng nhận kiểu loại

Đối với xe nhập khẩu: số giấy chứng nhận cấp cho xe nhập khẩu thử nghiệm

GIÁM ĐỐC
Trần Đức Thiện